

Đánh giá thang đo ý định mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023

Lê Mỹ Phụng¹, Võ Thị Mỹ Hương², Nguyễn Phục Hưng^{2,*},
Phạm Thành Suôi², Phan Thị Vân² và Trương Kiều Mỹ³

¹Sở Y tế Vĩnh Long

²Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

³Trung tâm Y tế Giá Rai

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (TPBVSK) đang dần trở nên được ưa chuộng trên thị trường chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Tuy nhiên, nghiên cứu về các nhân tố tác động ý định mua TPBVSK vẫn còn rất hạn chế về số lượng lẫn chất lượng. **Mục tiêu:** chuẩn hóa bảng câu hỏi phỏng vấn người dân về thái độ, chuẩn chủ quan, ý thức sức khỏe, giá cảm nhận, cảm nhận về sự an toàn và ý định mua TPBVSK. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Bộ câu hỏi được góp ý bởi 7 chuyên gia, khảo sát thử trên 50 người dân tại tỉnh Vĩnh Long theo phương pháp mô tả cắt ngang, thông qua phỏng vấn trực tiếp. **Kết quả:** Bộ câu hỏi khảo sát người dân về kiến thức, thái độ, chuẩn chủ quan, ý thức sức khỏe, giá cảm nhận, cảm nhận về sự an toàn và ý định mua TPBVSK sau khi đánh giá phân tích bằng các phương pháp phân tích thường qui bao gồm 6 nhân tố, 40 biến, các thang đo đều đạt giá trị cho phép của các phép kiểm. **Kết luận:** Đã xây dựng và chuẩn hóa thang đo đo lường ý định mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023 gồm 6 nhân tố: Thái độ (A): 10 câu hỏi, Chuẩn chủ quan (SN): 8 câu hỏi, Sự an toàn (S): 4 câu hỏi, Ý thức sức khỏe (HA): 8 câu hỏi, Giá cảm nhận (PP): 4 câu hỏi, Ý định mua TPBVSK (I): 6 câu hỏi.

Từ khóa: Thang đo, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Người tiêu dùng, Vĩnh Long

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo “Nghị định 15/2018/NĐ-CP Hướng dẫn luật an toàn thực phẩm” ban hành năm 2018 đã định nghĩa “Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (Health Supplement, Dietary Supplement) là những sản phẩm được dùng để bổ sung thêm vào chế độ ăn uống hàng ngày nhằm duy trì, tăng cường, cải thiện các chức năng của cơ thể con người, giảm nguy cơ mắc bệnh. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe chứa một hoặc nhiều chất hoặc hỗn hợp các chất sau: Vitamin, khoáng chất, axit amin, axit béo, enzyme, probiotic và chất có hoạt tính sinh học khác; chất có nguồn gốc tự nhiên, bao gồm động vật, khoáng vật và thực vật dưới dạng chiết xuất, phân lập, cô đặc và chuyển hóa; các nguồn tổng hợp của những thành phần đề cập phía trên. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe được trình bày ở dạng chế biến như viên nang, viên hoàn, viên nén, chế phẩm dạng cốm, bột, lỏng và các dạng bào chế khác và được phân liều (để sử dụng) thành các đơn vị liều nhỏ” [1].

Tại Việt Nam hiện nay, sau sự bùng nổ của đại dịch Covid 19, nhiều người dân cũng đã quan tâm về sức khỏe của bản thân và quan tâm nhiều hơn đối với những thực phẩm hỗ trợ sức khỏe như “Thực phẩm bảo vệ sức khỏe”. Theo nghiên cứu của Phạm Thị Huyền năm 2021, có đến 92.5% người tham gia khảo

sát biết đến thực phẩm bảo vệ sức khỏe [2]. Người tiêu dùng bắt đầu có được một số nhận thức ban đầu về thực phẩm bảo vệ sức khỏe như thực phẩm tự nhiên, sạch và tốt cho sức khỏe là rất quan trọng trong cuộc sống hàng ngày. Do đó, thị trường TPBVSK được dự báo sẽ còn tăng trưởng rất mạnh mẽ trong tương lai gần (đạt giá trị 257,55 tỷ USD trước năm 2025) [3]. Các sản phẩm TPBVSK đang ngày càng phổ biến nhưng ở Việt nam chưa có nhiều nghiên cứu về cách xây dựng và chuẩn hóa bộ câu hỏi về ý định và các nguyên nhân tác động đến ý định mua TPBVSK của người tiêu dùng là gì? Chính vì vậy nghiên cứu “Đánh giá thang đo ý định mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023” được thực hiện với mục tiêu: xây dựng và chuẩn hóa bộ câu hỏi phỏng vấn người dân về thái độ, chuẩn chủ quan, ý thức sức khỏe, giá cảm nhận, cảm nhận về sự an toàn và ý định mua Thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng khảo sát

Người dân có ý định mua hoặc đã từng mua TPBVSK ở các nhà thuốc/quầy thuốc trên toàn bộ 8

Tác giả liên hệ: Nguyễn Phục Hưng

Email: nhung@ctump.edu.vn

huyện/thị xã/thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và tự nguyện tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Người dân có ý định mua hoặc đã từng mua TPBVSK, đủ 18 tuổi và đồng ý tham gia cuộc khảo sát.

Cách lấy mẫu: lấy mẫu ngẫu nhiên thuận tiện tại các nhà thuốc/quầy thuốc có bán TPBVSK của 8 huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023.

Tiêu chuẩn loại trừ: Người không hoàn thành đầy đủ nội dung phiếu khảo sát; người không có khả năng nhận thức và hiểu toàn bộ câu hỏi phỏng vấn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu:

Bộ câu hỏi được góp ý bởi 7 chuyên gia gồm các giảng viên trường đại học, quản lý doanh nghiệp, quản lý cơ quan nhà nước về lĩnh vực thực phẩm chức năng, khảo sát thử trên 50 người dân; sau đó được chỉnh sửa, chuẩn hóa và làm sạch.

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả cắt ngang. Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp người dân.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả để xác định một tỷ lệ:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{d(1-d)}{p^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu cần nghiên cứu; $\alpha = 0.05$ (độ tin cậy 95%); $Z_{1-\alpha/2} = 1.96$; Sai số chấp nhận được ($d = 0.05$); p là giá trị tỷ lệ ước đoán tổng thể. Chọn $p = 0.5$ do chưa có nghiên cứu nào tại Việt Nam thực hiện về vấn đề này. Thế vào công thức, ta được cỡ mẫu là 385 người; chia đều trên 8 huyện/thị xã/thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Nghĩa là mỗi huyện/thị xã/thành phố sẽ chọn 48 - 49 người tiêu dùng [4].

Nội dung nghiên cứu:

- Kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA: Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua TPBVSK (I): Thái độ (A), Chuẩn chủ quan (SN), Tính an toàn của TPBVSK (S),

Ý thức chăm sóc và bảo vệ sức khỏe (HA) và giá thành sản phẩm (PP). Trong đó, I là biến số phụ thuộc; còn A, SN, S, HA và PP lần lượt là các biến số độc lập được đề xuất bởi nhóm tác giả dựa trên "Lý thuyết về Hành vi có kế hoạch" (Theory of Planned Behavior – TPB). TPB là một lý thuyết trong lĩnh vực tâm lý học hành vi rất nổi tiếng và phổ biến, được đề xuất và phát triển bởi giáo sư Icek Ajzen lần đầu tiên vào năm 1985 [5]. Mỗi biến số bao gồm 4 đến 10 câu hỏi (tổng cộng có 52 câu hỏi cho 8 biến số). Người tham gia hoàn thành bộ câu hỏi phỏng vấn bằng cách đọc và đánh giá mức độ đồng ý/không đồng ý theo quan điểm cá nhân trên thang đo Likert (1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Bình thường; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý). Thông qua tính toán hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo để bước đầu loại bỏ một số yếu tố không thỏa mãn điều kiện về độ tin cậy. Sau đó, tác giả thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm gom nhóm các yếu tố còn lại và đặt tên cho chúng (nếu cần).

- Xác định các mức độ tác động của 5 yếu tố Thái độ (A), Chuẩn chủ quan (SN), Tính an toàn của TPBVSK (S), Ý thức chăm sóc và bảo vệ sức khỏe (HA) và giá thành sản phẩm (PP) đến ý định mua TPBVSK bằng phân tích hồi quy tuyến tính đa biến: các nhóm yếu tố thu được sau phân tích EFA được tính giá trị đại diện (theo phương pháp trung bình cộng), và xem như biến độc lập để đưa vào phân tích hồi quy tuyến tính đa biến bằng phương pháp "Enter".

2.3. Công cụ và phương pháp xử lý số liệu: thu thập và phỏng vấn trực tiếp đối tượng bằng bộ câu hỏi soạn thảo sẵn [4]

Phương pháp xử lý số liệu: số liệu thu được nhập bằng MS Excel 2016 và phân tích số liệu bằng phần mềm thống kê SPSS 22.0.

3. KẾT QUẢ

Xây dựng nội dung chính phỏng vấn người dân về đặc điểm nhân khẩu học, kiến thức, thái độ, chuẩn chủ quan, ý thức sức khỏe, giá cảm nhận, cảm nhận về sự an toàn và ý định mua TPBVSK.

Bảng 1. Ý kiến đánh giá của 7 chuyên gia

| Họ và tên | Lời góp ý |
|--------------|---|
| Chuyên gia 1 | Đánh giá các câu hỏi đều ở mức độ cần thiết. |
| Chuyên gia 2 | Đánh giá các câu hỏi đều ở mức độ cần thiết. |
| Chuyên gia 3 | Câu A2: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe góp phần giúp ngăn chặn bệnh tật trong tương lai → sửa thành: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe góp phần phòng ngừa bệnh tật trong tương lai. Câu A4: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì an toàn khi sử dụng → sửa thành: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe sạch và bảo quản đúng cách thì an toàn khi sử dụng. Câu SN5: Tôi nghĩ rằng, nhiều người quan trọng với bạn cũng dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe → sửa thành: Tôi nghĩ rằng, nhiều người quan trọng với bạn cũng quan tâm đến thực phẩm bảo vệ sức khỏe. |

| Họ và tên | Lời góp ý |
|--------------|--|
| Chuyên gia 4 | <p>Câu A5: Dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe sẽ đem lại hiệu quả nhất định đối với sức khỏe → sửa thành: Bạn có tán thành lợi ích của thực phẩm bảo vệ sức khỏe.</p> <p>Câu A8: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì đáng để sử dụng → sửa thành: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe đáp ứng tốt nhu cầu của bạn.</p> <p>Câu A9: Tôi thích sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe → sửa thành: câu này cần đo cường độ cảm xúc.</p> <p>Câu A10: Nhìn chung, tôi có cái nhìn tích cực đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe → sửa thành: Bạn có ấn tượng tốt với thực phẩm bảo vệ sức khỏe.</p> <p>Câu SN1: Tôi sẽ mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe nếu người thân của tôi khuyên tôi nên sử dụng → sửa thành: Bạn có sẵn sàng mua, trải nghiệm thực phẩm bảo vệ sức khỏe khi người thân giới thiệu</p> <p>Câu SN2: Tôi sẽ mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe nếu bạn bè của tôi khuyên tôi nên sử dụng → sửa thành: Bạn có sẵn sàng mua, trải nghiệm thực phẩm bảo vệ sức khỏe khi bạn bè giới thiệu.</p> <p>Câu HA8: Tôi không lo lắng về sức khỏe của mình trừ khi có vấn đề sức khỏe xảy ra → sửa thành: câu mã hóa ngược.</p> <p>Câu PP1: Tôi nghĩ thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì khá đắt tiền → sửa thành: Theo bạn giá sản phẩm thì như thế nào?</p> <p>Câu PP3: Tôi thấy thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì quá đắt so với lợi ích sức khỏe nhận được → sửa thành: theo bạn giá thành và chất lượng sản phẩm đã phù hợp chưa.</p> <p>Câu I1: Tôi sẽ mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe trong tương lai → sửa thành: Bạn đã từng sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe chưa? Bạn có tiếp tục sử dụng sản phẩm không? Sắp tới bạn có sử dụng sản phẩm không?</p> |
| Chuyên gia 5 | <p>SN3: Bạn có sẵn sàng mua, trải nghiệm thực phẩm bảo vệ sức khỏe khi người thân giới thiệu → sửa thành: Bạn có sẵn sàng mua, trải nghiệm thực phẩm bảo vệ sức khỏe khi người thân (gia đình, người thân, bạn bè) giới thiệu.</p> <p>S2: Tôi không biết chúng có những ảnh hưởng như thế nào đến cơ thể tôi. → sửa thành: Tôi không biết thực phẩm bảo vệ sức khỏe có những ảnh hưởng như thế nào đến cơ thể tôi.</p> <p>S3: Tôi suy nghĩ thận trọng về các mối nguy hiểm có thể có khi dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. → sửa thành: Tôi nghĩ nên thận trọng về các mối nguy hiểm có thể có khi dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe.</p> <p>HA1: Sức khỏe của tôi phụ thuộc rất nhiều vào việc tôi tự chăm sóc. → sửa thành: Sức khỏe của tôi phụ thuộc rất nhiều vào việc tôi tự chăm sóc bản thân.</p> <p>HA2: Tôi có ý thức cá nhân về sức khỏe. → sửa thành: Tôi luôn có ý thức chăm sóc sức khỏe cho chính mình.</p> <p>HA7: Tôi lo ngại các vấn đề về sức khỏe sẽ xảy ra và luôn cố gắng ngăn ngừa. → sửa thành: Tôi lo ngại các vấn đề sức khỏe của mình có thể sẽ xảy ra và luôn cố gắng ngăn ngừa chúng.</p> <p>PP4: Tôi có nhiều lựa chọn tốt hơn so với việc mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe có giá quá cao như hiện nay. → lưu ý mã hóa ngược về sau.</p> <p>I5: Có khả năng trong tương lai tôi sẽ mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe. → sửa thành: Bạn sẽ giới thiệu người thân, bạn bè mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe hoặc Bạn sẽ quan tâm nhiều hơn đến thực phẩm bảo vệ sức khỏe hoặc Bạn sẽ tiếp tục mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe hoặc Khi có nhu cầu, Bạn sẽ nghĩ ngay đến thực phẩm bảo vệ sức khỏe</p> |
| Chuyên gia 6 | <p>Đánh giá câu A2 ở mức độ cần thiết.</p> <p>Đánh giá các câu A1, A3-A10, SN1-SN8, S1-S4, HA1-HA8, PP1-PP4, I1-I6 ở mức độ hữu ích nhưng không cần thiết</p> |
| Chuyên gia 7 | <p>A5: Dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe sẽ đem lại hiệu quả nhất định đối với sức khỏe. → sửa thành: Dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe sẽ mang lại hiệu quả nhất định đối với sức khỏe.</p> |

Chúng tôi đã lấy ý kiến các nhóm 7 chuyên gia để đánh giá phiên bản đầu tiên của các thang đo được thiết kế thông qua một cuộc phỏng vấn trực tiếp. Đề xuất sửa đổi của họ sẽ được giải quyết nhằm hoàn chỉnh thang đo và nội dung bộ câu hỏi, tránh các từ ngữ khó hiểu, gây nhầm lẫn. Sau khi lấy ý

kiến 7 chuyên gia trên, chúng tôi đã lấy thêm ý kiến của 24 chuyên gia để hoàn thiện bộ câu hỏi. Cấu trúc bộ câu hỏi bao gồm các câu hỏi đóng, câu hỏi nhiều lựa chọn, bao gồm 4 phần: Phần 1: Giới thiệu về mục đích sử dụng của bộ câu hỏi. Phần 2: Thông tin chung của người được phỏng vấn. Phần 3: Gồm

các câu hỏi khảo sát kiến thức, thái độ, chuẩn chủ quan, ý thức sức khỏe, giá cảm nhận, cảm nhận về sự an toàn và ý định mua TPBVSK. Tiếp tục thử nghiệm thí điểm trên cỡ mẫu 50 (theo Hair và cộng

sự năm 2009 – cỡ mẫu tối thiểu cho phân tích EFA là 50) để đánh giá độ tin cậy của các thang đo - bằng Cronbach's Alpha, tính hợp lệ cấu trúc - bằng phân tích nhân tố khám phá EFA và điều chỉnh [6].

Bảng 2. Bảng kết quả hệ số CA thí điểm trên 50 mẫu

| TT | Nội dung | Hệ số tương quan biến tổng | Hệ số CA khi loại biến |
|----|--|----------------------------|------------------------|
| 1 | A1. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì quan trọng đối với tôi. | 0.487 | 0.967 |
| 2 | A2. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe giúp ngăn chặn bệnh tật trong tương lai. | 0.419 | 0.967 |
| 3 | A3. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe giúp bổ sung các chất bị thiếu trong bữa ăn. | 0.447 | 0.967 |
| 4 | A4. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì an toàn khi sử dụng. | 0.264 | 0.968 |
| 5 | A5. Dùng Thực phẩm bảo vệ sức khỏe sẽ đem lại hiệu quả nhất định đối với sức khỏe. | 0.465 | 0.967 |
| 6 | A6. Tôi tin những công dụng được quảng cáo của thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.487 | 0.967 |
| 7 | A7. Tôi hài lòng với loại thực phẩm bảo vệ sức khỏe tôi đã dùng. | 0.419 | 0.967 |
| 8 | A8. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì đáng để sử dụng. | 0.603 | 0.966 |
| 9 | A9. Tôi thích sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.436 | 0.967 |
| 10 | A10. Nhìn chung, tôi có cái nhìn tích cực đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.487 | 0.967 |
| 11 | SN1. Tôi sẽ mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe nếu người thân của tôi khuyên tôi nên sử dụng. | 0.527 | 0.967 |
| 12 | SN2. Tôi sẽ mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe nếu bạn bè của tôi khuyên tôi nên sử dụng. | 0.558 | 0.966 |
| 13 | SN3. Tôi nghĩ rằng, nhiều người quan trọng (gia đình/bạn bè/người thân) với tôi đều dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.671 | 0.966 |
| 14 | SN4. Tôi nghĩ rằng, nhiều người quan trọng (gia đình/bạn bè/người thân) với tôi cũng thích dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.788 | 0.965 |
| 15 | SN5. Tôi nghĩ rằng, nhiều người quan trọng (gia đình/bạn bè/người thân) với tôi cũng dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe | 0.807 | 0.965 |
| 16 | SN6. Những người quan trọng (gia đình/bạn bè/người thân) với tôi biết tôi có dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.826 | 0.965 |
| 17 | SN7. Việc tôi dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì đúng với mong muốn của mọi người. | 0.534 | 0.967 |
| 18 | SN8. Tôi và nhiều người quan trọng với tôi (gia đình/bạn bè/người thân) đều cho rằng thực phẩm bảo vệ sức khỏe là tốt. | 0.747 | 0.966 |
| 19 | S1. Tôi sợ rằng thực phẩm bảo vệ sức khỏe có các tác dụng phụ. | 0.641 | 0.966 |
| 20 | S2. Tôi không biết thực phẩm bảo vệ sức khỏe có những ảnh hưởng như thế nào đến cơ thể tôi. | 0.640 | 0.966 |
| 21 | S3. Tôi nghĩ nên thận trọng về các mối nguy hiểm có thể có khi dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.641 | 0.966 |
| 22 | S4. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe sẽ có ảnh hưởng xấu đến cơ thể nếu dùng quá nhiều hoặc dùng trong thời gian dài. | 0.640 | 0.966 |
| 23 | HA1. Sức khỏe của tôi phụ thuộc rất nhiều vào việc tôi tự chăm sóc bản thân. | 0.765 | 0.965 |
| 24 | HA2. Tôi luôn có ý thức chăm sóc sức khỏe cho chính mình. | 0.765 | 0.965 |
| 25 | HA3. Tôi chú ý đến sức khỏe bản thân hàng ngày. | 0.795 | 0.965 |
| 26 | HA4. Tôi thấy cuộc sống ốm đau, bệnh tật thì rất nghiêm trọng. | 0.723 | 0.966 |
| 27 | HA5. Tôi có trách nhiệm với sức khỏe của mình. | 0.738 | 0.966 |
| 28 | HA6. Tôi sẽ cố gắng phòng ngừa các vấn đề về sức khỏe trước khi nó xảy ra. | 0.752 | 0.966 |
| 29 | HA7. Tôi lo ngại các vấn đề sức khỏe của mình có thể sẽ xảy ra và luôn cố gắng ngăn ngừa chúng. | 0.757 | 0.965 |

| TT | Nội dung | Hệ số tương quan biến tổng | Hệ số CA khi loại biến |
|----|---|----------------------------|------------------------|
| 30 | HA8. Tôi không lo lắng về sức khỏe của mình trừ khi có vấn đề sức khỏe xảy ra. | 0.752 | 0.966 |
| 31 | PP1. Tôi nghĩ thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì khá đắt tiền. | 0.594 | 0.966 |
| 32 | PP2. Giá cả của thực phẩm bảo vệ sức khỏe khiến tôi phải cân nhắc để sử dụng | 0.732 | 0.966 |
| 33 | PP3. Tôi thấy thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì quá đắt so với lợi ích sức khỏe nhận được. | 0.732 | 0.966 |
| 34 | PP4. Tôi có nhiều lựa chọn tốt hơn so với việc mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe có giá quá cao như hiện nay. | 0.623 | 0.966 |
| 35 | I1. Tôi sẽ mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe trong thời gian tới. | 0.700 | 0.966 |
| 36 | I2. Tôi sẽ cân nhắc để mua TPBVSK trong thời gian tới. | 0.673 | 0.966 |
| 37 | I3. Tôi sẵn sàng mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe trong thời gian tới. | 0.580 | 0.966 |
| 38 | I4. Tôi sẽ giới thiệu người thân, bạn bè mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.695 | 0.966 |
| 39 | I5. Tôi sẽ quan tâm nhiều hơn đến thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.801 | 0.965 |
| 40 | I6. Tôi sẽ tiếp tục mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.822 | 0.965 |

Nhận xét: Kết quả cho thấy tương quan biến tổng của 5/40 biến quan sát nhỏ hơn 0.3; đồng thời hệ số CA khi loại biến đều cao hơn giá trị CA hiện hành. Đánh giá lại hệ số Cronbach's Alpha cho từng thang đo cho thấy tất cả giá trị Cronbach's Alpha đều trên 0.965. Như vậy, các thang đo đều đạt độ tin cậy.

+ Phân tích EFA cho các tiểu mục trong các thang đo đo lường các biến số.

+ Kiểm tra sự hội tụ và sự phân biệt của các biến quan sát để kiểm định tính chính xác của thang đo bằng phân tích EFA.

Bảng 3. Bảng phân tích nhân tố EFA biến độc lập thí điểm trên 50 mẫu

| Các biến quan sát | Các nhân tố | | | | |
|--|-------------|-------|---|---|---|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| HA1. Sức khỏe của tôi phụ thuộc rất nhiều vào việc tôi tự chăm sóc bản thân. | 0.918 | | | | |
| HA2. Tôi luôn có ý thức chăm sóc sức khỏe cho chính mình. | 0.918 | | | | |
| HA3. Tôi chú ý đến sức khỏe bản thân hàng ngày. | 0.879 | | | | |
| HA4. Tôi thấy cuộc sống ốm đau, bệnh tật thì rất nghiêm trọng. | 0.907 | | | | |
| HA5. Tôi có trách nhiệm với sức khỏe của mình. | 0.939 | | | | |
| HA6. Tôi sẽ cố gắng phòng ngừa các vấn đề về sức khỏe trước khi nó xảy ra. | 0.942 | | | | |
| HA7. Tôi lo ngại các vấn đề sức khỏe của mình có thể sẽ xảy ra và luôn cố gắng ngăn ngừa chúng. | 0.942 | | | | |
| HA8. Tôi không lo lắng về sức khỏe của mình trừ khi có vấn đề sức khỏe xảy ra. | 0.942 | | | | |
| SN1. Tôi sẽ mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe nếu người thân của tôi khuyên tôi nên sử dụng. | | 0.844 | | | |
| SN2. Tôi sẽ mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe nếu bạn bè của tôi khuyên tôi nên sử dụng. | | 0.853 | | | |
| SN3. Tôi nghĩ rằng, nhiều người quan trọng (gia đình/bạn bè/người thân) với tôi đều dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | | 0.751 | | | |
| SN4. Tôi nghĩ rằng, nhiều người quan trọng (gia đình/bạn bè/người thân) với tôi cũng thích dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | | 0.819 | | | |
| SN5. Tôi nghĩ rằng, nhiều người quan trọng (gia đình/bạn bè/người thân) với tôi cũng dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | | 0.776 | | | |
| SN6. Những người quan trọng (gia đình/bạn bè/người thân) với tôi biết tôi có dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | | 0.581 | | | |
| SN7. Việc tôi dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì đúng với mong muốn của mọi người. | | 0.754 | | | |
| SN8. Tôi và nhiều người quan trọng với tôi (gia đình/bạn bè/người thân) đều cho rằng thực phẩm bảo vệ sức khỏe là tốt. | | 0.785 | | | |

| Các biến quan sát | Các nhân tố | | | | |
|--|-------------|---|-------|-------|-------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A1. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì quan trọng đối với tôi. | | | 0.843 | | |
| A2. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe giúp ngăn chặn bệnh tật trong tương lai. | | | 0.784 | | |
| A3. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe giúp bổ sung các chất bị thiếu trong bữa ăn. | | | 0.750 | | |
| A4. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì an toàn khi sử dụng. | | | 0.561 | | |
| A5. Dùng Thực phẩm bảo vệ sức khỏe sẽ đem lại hiệu quả nhất định đối với sức khỏe. | | | 0.823 | | |
| A6. Tôi tin những công dụng được quảng cáo của thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | | | 0.502 | | |
| A7. Tôi hài lòng với loại thực phẩm bảo vệ sức khỏe tôi đã dùng | | | 0.784 | | |
| A8. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì đáng để sử dụng. | | | 0.761 | | |
| A9. Tôi thích sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | | | 0.671 | | |
| A10. Nhìn chung, tôi có cái nhìn tích cực đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | | | 0.843 | | |
| S1. Tôi sợ rằng thực phẩm bảo vệ sức khỏe có các tác dụng phụ. | | | | 0.797 | |
| S2. Tôi không biết thực phẩm bảo vệ sức khỏe có những ảnh hưởng như thế nào đến cơ thể tôi. | | | | 0.850 | |
| S3. Tôi nghĩ nên thận trọng về các mối nguy hiểm có thể có khi dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | | | | 0.797 | |
| S4. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe sẽ có ảnh hưởng xấu đến cơ thể nếu dùng quá nhiều hoặc dùng trong thời gian dài. | | | | 0.850 | |
| PP1. Tôi nghĩ thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì khá đắt tiền. | | | | | 0.824 |
| PP2. Giá cả của thực phẩm bảo vệ sức khỏe khiến tôi phải cân nhắc để sử dụng | | | | | 0.802 |
| PP3. Tôi thấy thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì quá đắt so với lợi ích sức khỏe nhận được. | | | | | 0.802 |
| PP4. Tôi có nhiều lựa chọn tốt hơn so với việc mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe có giá quá cao như hiện nay. | | | | | 0.531 |

Nhận xét:

- Biến độc lập: Với giá trị phương sai trích là 82.436% (> 60%); đồng thời, giá trị Sig. của kiểm định Bartlett < 0.001, chúng tôi tiếp tục tiến hành phân tích EFA cho các tiểu mục trong các thang đo đo lường các nhân tố độc lập. Kết quả phân

tích cho thấy, giá trị Eigenvalue (1.745) lớn hơn 1.

- Tiếp tục thực hiện ma trận xoay nhân tố cho các tiểu mục trong các thang đo đo lường biến số độc lập, 5 nhân tố biến độc lập phân chia theo ban đầu hội tụ theo 5 nhân tố mới và không thay đổi (Bảng 3).

Bảng 4. Bảng phân tích nhân tố EFA biến phụ thuộc thí điểm trên 50 mẫu

| Các biến quan sát | Các nhân tố |
|---|-------------|
| I1. Tôi sẽ mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe trong thời gian tới. | 0.904 |
| I3. Tôi sẵn sàng mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe trong thời gian tới. | 0.800 |
| I4. Tôi sẽ giới thiệu người thân, bạn bè mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.789 |
| I5. Tôi sẽ quan tâm nhiều hơn đến thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.882 |
| I6. Tôi sẽ tiếp tục mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 0.836 |

Nhận xét: Biến phụ thuộc: Hệ số KMO 0.874, giá trị Sig.<0.001, các tiểu mục đều hội tụ về cùng một nhân tố nên không cần đặt tên lại. Sự tương quan giữa các tiểu mục rất chặt chẽ với nhân tố - hệ số tải đều lớn hơn 0.6 (Bảng 4). Như vậy, bộ câu hỏi khảo sát người dân về kiến thức, thái độ, chuẩn chủ quan, ý thức sức khỏe, giá cảm nhận, cảm nhận về sự an toàn và ý định mua TPBVSK sau khi đánh giá phân tích sẽ bao gồm 6 nhân tố, 40 biến,

các thang đo đều đạt tính chính xác và tin cậy.

4. BÀN LUẬN

4.1. Xây dựng bộ câu hỏi khảo sát

Bộ câu hỏi được xây dựng qua nhiều giai đoạn với phương pháp nghiên cứu định tính (phỏng vấn 7 chuyên gia sau đó lấy ý kiến thêm của 24 chuyên gia, tổng quan các tài liệu trong và ngoài nước) và định lượng (khảo sát sơ bộ trên 50 người). Bộ câu hỏi sau

khi được trả lời và góp ý về nội dung, từ ngữ của các chuyên gia nên đảm bảo câu hỏi có nội dung rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp cận đối tượng phỏng vấn. Đối tượng trả lời trong nghiên cứu định tính sơ bộ có đặc điểm dân số tương tự với đối tượng trong nghiên cứu chính thức nên sẽ đảm bảo tính đại diện. Ngoài ra, việc lấy mẫu của nghiên cứu này được thực hiện bằng cách phỏng vấn trực tiếp với những người được hỏi. Vì vậy, quá trình phỏng vấn có thể dễ dàng loại ra những đối tượng không phù hợp với tiêu chuẩn chọn mẫu. Việc thu thập bảng câu hỏi trực tiếp còn giúp các nhà nghiên cứu kiểm tra kỹ xem bảng câu hỏi đã được trả lời đầy đủ hay chưa, có thể hỏi thêm để làm rõ thông tin giúp giảm thiểu dữ liệu bị thiếu hoặc không chính xác. Mặt khác, khi trả lời phỏng vấn, một số người trả lời không biết hoặc chưa dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe do họ không quen với từ “thực phẩm bảo vệ sức khỏe”, do đó, chúng tôi đã giải thích rõ và đưa ra ví dụ cụ thể để phân biệt TPBVSK với các dạng khác của thực phẩm chức năng (TPBVSK là 1 trong 4 loại trong thực phẩm chức năng) thì được nhận biết nhiều hơn.

4.2. Đánh giá thang đo bộ câu hỏi khảo sát

Giá trị Cronbach's Alpha của thang đo đưa vào kiểm định là 0.967 giá trị Cronbach's Alpha của nghiên cứu lớn chứng tỏ thang đo có độ tin cậy tốt, kết quả cho thấy tất cả các biến đều có hệ số tương quan biến tổng > 0.3 . Do đó, không có biến nào bị loại khi khảo sát 50 mẫu. Phân tích nhân tố khám phá EFA là một bước rất quan trọng khi thực hiện phân tích dữ liệu định lượng. EFA dùng để rút gọn một tập hợp k biến quan sát thành một tập F (với $F < k$) các nhân tố có ý nghĩa hơn. Điều này giúp tiết kiệm thời gian và kinh phí nhiều hơn cho người nghiên cứu. Ngoài ra, khi sử dụng phép quay vuông góc thì không đưa biến phụ thuộc vào chung với biến độc lập cùng lúc để thực hiện phân tích EFA. Bởi trong phép quay vuông góc, các nhân tố phải không có mối tương quan với nhau, nghĩa là không có sự định nghĩa độc lập với phụ thuộc [7]. Do đó, trong nghiên cứu này, phân tích EFA riêng giữa biến độc lập và biến phụ thuộc. Hệ số KMO là một chỉ số dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số của $KMO > 0.5$ là điều kiện đủ để phân tích nhân tố là phù hợp. Kiểm định Bartlett dùng để xem xét các biến quan sát trong nhân tố có tương quan với nhau hay không. Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (sig. < 0.001), chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong nhân tố. Trị số Eigenvalue là một tiêu chí sử dụng phổ biến để xác định số lượng nhân tố trong phân tích EFA. Với tiêu chí này, chỉ có những nhân tố nào có Eigenvalue ≥ 1 mới được giữ lại trong mô hình phân tích. Trong nghiên cứu này, cho thấy có 4 nhân tố của biến độc

lập được giữ lại. Tổng phương sai trích của biến độc lập và biến phụ thuộc lần lượt là 82.436% và 72.815% ($\geq 50\%$) cho thấy mô hình EFA là phù hợp. Theo Hair và cộng sự (2009), giá trị tiêu chuẩn của hệ số tải nên được xem xét cùng kích thước mẫu. Với từng khoảng kích thước mẫu khác nhau, mức trọng số nhân tố để biến quan sát có ý nghĩa thống kê là hoàn toàn khác nhau [6]. Nghiên cứu định lượng sơ bộ thực hiện trên 50 mẫu, hệ số tải của các biến đều > 0.5 chứng tỏ biến quan sát đạt chất lượng tốt. Ma trận xoay nhân tố cho các tiểu mục trong các thang đo đo lường biến số, các tiểu mục của 5 nhân tố độc lập được phân chia ban đầu bao gồm nhân tố “(A): Thái độ”, nhân tố “(SN): Chuẩn chủ quan”, nhân tố “(S): Sự an toàn”, nhân tố “(HA): Ý thức sức khỏe” và nhân tố “(PP): Giá cảm nhận” đều hội tụ theo 5 nhân tố mới, không thay đổi và các tiểu mục của biến phụ thuộc đều hội tụ về cùng một nhân tố riêng lẻ và độc lập với các nhân tố khác nên không cần đặt tên lại. Như vậy các thang đo đều đạt tính chính xác và tin cậy.

5. KẾT LUẬN

Nhóm tác giả đã xây dựng và đánh giá thang đo đo lường ý định mua thực phẩm bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023. Kết quả cho thấy thang đo đều đạt tính chính xác và tin cậy: Giá trị Cronbach's Alpha thang đo của nghiên cứu lớn, tất cả các biến đều có hệ số tương quan biến tổng > 0.3 , chứng tỏ thang đo có độ tin cậy tốt. Do đó, không có biến nào bị loại khi khảo sát 50 mẫu. Tổng phương sai trích của biến độc lập và biến phụ thuộc lần lượt là 82.436% và 72.815% ($\geq 50\%$) cho thấy mô hình EFA là phù hợp. Nghiên cứu định lượng sơ bộ thực hiện trên 50 mẫu, hệ số tải của các biến đều > 0.5 chứng tỏ biến quan sát đạt chất lượng tốt. Ma trận xoay nhân tố cho các tiểu mục trong các thang đo đo lường biến số, các tiểu mục của 5 nhân tố độc lập được phân chia ban đầu đều hội tụ theo 5 nhân tố mới, không thay đổi và các tiểu mục của biến phụ thuộc đều hội tụ về cùng một nhân tố riêng lẻ và độc lập với các nhân tố khác nên không cần đặt tên lại.

Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ mới nghiên cứu sơ bộ với số mẫu nhỏ (50 mẫu) và chỉ giới hạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long nên chưa thể mang lại cái nhìn tổng quát cho khu vực hay quốc gia.

LỜI CẢM ƠN

Các tác giả xin cảm ơn tất cả các cơ quan quản lý của các cơ sở y tế công ở các quận huyện tỉnh Vĩnh Long và Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã cung cấp quyền thu thập dữ liệu. Rất biết ơn sự hỗ trợ của các cơ sở chăm sóc sức khỏe trong việc thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ, “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm”, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, 2018.
- [2] P. T. Huyền, H. H. Phương, T. D. Huyền và cộng sự, “Niềm tin của người tiêu dùng với thực phẩm chức năng: nghiên cứu tại một số tỉnh miền Bắc”, *Tạp chí Công thương*, 7, 2021.
- [3] Grand view research. Functional Foods Market Size, Share & Trends Analysis Report By Ingredient (Carotenoids, Prebiotics & Probiotics, Fatty Acids, Dietary Fibers), By Product, By Application, By Region, And Segment Forecasts, 2022 – 2030. Available from: URL: [https://www.grandviewresearch.com/industry-](https://www.grandviewresearch.com/industry-analysis/functional-food-market)
- [4] Elashoff JD and Lemeshow S, *Sample Size Determination in Epidemiologic Studies*. Handbook of Epidemiology, p.559–594, 2005.
- [5] Ajzen, I., “The theory of planned behavior”, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211.1991.
- [6] Hair, J. F., Black, W., Babin, B., & Anderson, R., *Multivariate data analysis*, 7th ed.. Hoboken, NJ: Pearson Prentice Hall, 2009.
- [7] N. Đ. Thọ, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - Thiết kế và thực hiện*, NXB Lao động xã hội, 2011.

Evaluating a scale to measure consumers' intention to buy health-protective foods in Vinh Long province in 2022-2023

Le My Phung, Vo Thi My Huong, Nguyen Phuc Hung,
Pham Thanh Suol and Truong Kieu My

ABSTRACT

Background: Dietary supplements have been becoming more and more popular in the healthcare market in Vietnam in particular and in the world in general. However, studies discover factors affecting the intention to buy those foods are still limited in both quantity and quality. Objectives: standardize questionnaires to interview people about attitudes, subjective norm, health awareness, perceived price, perceived safety and intention to buy Health Supplement. Materials and methods: The questionnaire was commented on by 7 experts and was tested on 50 people in Vinh Long province via direct interviews. This research uses a cross-sectional descriptive method. Results: A set of questions surveyed people about knowledge, attitudes, subjective standards, health awareness, perceived price, perceived safety and intention to buy health care products is created after analytical evaluation, which using routine analysis methods includes: 6 factors, 40 variables, and the measurement scales are accurate and reliable. Conclusion: A scale to measure consumers' intention to buy Health Supplement in Vinh Long province in 2022-2023 has been built and standardized, including 6 factors: Attitude (A): 10 questions, Subjective norm (SN): 8 questions, Safety (S): 4 questions, Health awareness (HA): 8 questions, Perceived price (PP): 4 questions, Intention to buy health care products (I): 6 questions.

Keywords: Scale, Health Supplement, Consumers, Vĩnh Long

Received: 24/11/2023

Revised: 15/01/2024

Accepted for publication: 22/01/2024